



VỀ MỘT HƯỚNG NGHIÊN CỨU DIỄN NGÔN CHÍNH TRỊ TIẾNG VIỆT

Nguyễn Xuân Hồng*

Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 10-02-2017; ngày phân biên đánh giá: 20-4-2017; ngày chấp nhận đăng: 25-5-2017

TÓM TẮT

Bài báo này trên cơ sở kế thừa thành tựu nghiên cứu của phân tích diễn ngôn tiếng Anh, sau khi xác lập một số cách phân loại diễn ngôn, nêu lên một số định hướng nghiên cứu diễn ngôn tiếng Việt.

Từ khóa: diễn ngôn chính trị, cấu trúc, liên kết, ý niệm.

ABSTRACT

A direction to research Vietnamese political discourse

This article is based on the research achievements of English discourse analysis. It established a number of ways to classify discourse and proposed some research directions of Vietnamese discourse.

Keywords: political discourse, structure, coherence, concept.

1. Đặt vấn đề

Do nhiều lí do khác nhau, thuật ngữ *diễn ngôn chính trị* (Political discourse) cho đến nay vẫn còn rất xa lạ với giới học thuật Việt Nam. Điều này có thể giải thích được, không kể một số bài viết gần đây sử dụng bộ máy khái niệm của trường phái ngữ pháp chức năng hệ thống nghiên cứu một số loại hình diễn ngôn, xuất phát từ ngữ vực (register) với sự tam phân gồm: Trường diễn ngôn (field), quan hệ diễn ngôn (tenor) và cách thức diễn ngôn (mode), một loại diễn ngôn rất gần với diễn ngôn chính trị, gắn liền và tồn tại đã lâu với tri thức về phong cách học, thường được gọi là các *văn bản chính luận*, cũng đã được khảo sát. Công bằng mà nói, giữa văn bản chính luận và diễn ngôn chính trị

có những điểm tương đồng, nhưng không thể coi là đồng nhất. Đó là chưa kể có sự khác biệt rất lớn trong phạm vi quyền lực, trong việc định hướng thông tin và cả sức mạnh của tác động. Chẳng hạn thể loại xã luận trong tiếng Việt, đó thường là những diễn ngôn mang tính chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, trong khi đó xã luận của phương Tây thường là tiếng nói của một tập đoàn truyền thông. Nếu hiểu diễn ngôn chính trị thường đề cập cách thức quản lí, những vấn đề mang tầm vóc xã hội rộng lớn của một nhà nước, của một tổ chức, một chính đảng hoặc của những nhà chính khách, thì nội hàm và ngoại diên của diễn ngôn chính trị rộng hơn nhiều so với diễn ngôn chính luận.

* Email: nguyensexuanhong@iuh.edu.vn

Bài viết này dựa vào thành tựu nghiên cứu từ diễn ngôn chính trị tiếng Anh, mạnh dạn đề xuất một hướng nghiên cứu có tính chất liên ngành giữa Ngữ dụng học và Phân tích diễn ngôn. Nếu công việc này được triển khai tốt, một mặt giúp cho các nhà chính khách có cùng chung một số tiền đề về lập thức, một số hiểu biết cơ sở, để góp phần thúc đẩy quá trình hội nhập phát triển nhanh hơn, mặt khác, giúp cho việc giáo dục ngôn ngữ như đối dịch, đào tạo cán bộ hành chính, cán bộ quản lý sớm đạt chất lượng như mong muốn.

2. Lịch sử nghiên cứu

Cùng với sự phát triển của trào lưu ngữ dụng học và phân tích diễn ngôn, có thể nói hiện nay tiếp cận diễn ngôn chính trị tiếng Anh có rất nhiều trường phái. Những đánh giá dưới đây chỉ mang tính khái quát. Theo quan niệm của triết học mác-xít, toàn bộ diễn ngôn chính trị có thể chia làm 3 nhóm:

- Nhóm thứ nhất thiên về lĩnh vực liên ngành và dựa vào ảnh hưởng của chúng đối với việc hình thành phương pháp luận, có thể kể đến:

a. Triết học phân tích, bao gồm cả thuyết hành động lời nói và thuyết trao đổi thông tin.

b. Ngôn ngữ học, bao gồm ngôn ngữ học cấu trúc, ngôn ngữ học chức năng và ngôn ngữ học tri nhận.

c. Nhân loại học, bao gồm Nhân tộc học lời nói, xã hội học ngôn ngữ tương tác.

- Nhóm thứ hai, đặc điểm nổi bật của hướng này là dựa vào các khuynh hướng nghiên cứu để mà phân loại diễn ngôn

chính trị, trong đó coi diễn ngôn là đối tượng khảo sát chính. Có thể kể đến:

- a. Diễn ngôn - phân tích hậu hiện đại;
- b. Diễn ngôn phân tích phê phán;
- c. Tâm lý học diễn ngôn;
- d. Diễn ngôn hình ảnh;
- e. Diễn ngôn hỗn hợp.

- Theo hướng thứ ba, các loại diễn ngôn về mặt cấu trúc và chức năng, tùy theo mục đích tiếp cận, việc nhận diện và miêu tả chúng là không như nhau. Trong đó, liên quan đến diễn ngôn chính trị có thể bao gồm một số tiểu hệ thống như sau: Hệ diễn ngôn chính trị tư tưởng, hệ diễn ngôn thể chế chính trị, hệ diễn ngôn hành động chính trị. Có thể nói, diễn ngôn chính trị là công cụ để cho nhà nước, chính khách hay tổ chức chính trị theo đuổi và thực hành quyền lực. Vì vậy, có thể nói, diễn ngôn chính trị là diễn ngôn quyền lực, nó luôn luôn gắn liền với khái niệm quyền lực. Mặt khác, chúng cũng là một loại diễn ngôn hành động, thể hiện mối quan hệ giữa diễn ngôn và hành động. Nói rõ hơn, từ bản chất diễn ngôn chính trị là một hành động, ở đây hành động tác động đến khách thể, tác động đến người khác làm cho người ta thấy rõ vấn đề, hiểu rõ vấn đề, suy nghĩ về nó, tin tưởng và hành động theo nó. Muốn được như vậy, các chính khách phải tìm kiếm và lựa chọn những chiến lược giao tiếp cho phù hợp để thu hút, thuyết phục người nghe, người đọc ở mức độ cao nhất. Đây có thể coi là một hướng nghiên cứu có nhiều triển vọng.

Mặt khác, các nhà phân tích diễn ngôn chính trị Hoa Kỳ lại xuất phát từ chức

năng của diễn ngôn, phân chúng thành 3 loại:

Diễn ngôn hứa hẹn, đặc điểm của chúng vừa có tính chất lí tưởng vừa mang tính thực tế, do vậy thường đề cập một số giá trị về đạo đức, xã hội, về một số chuẩn tắc. Bên cạnh đó, phải chỉ ra cho được những phương tiện nào để đạt được các mục đích ấy. Ba thủ pháp ngôn từ gắn liền với diễn ngôn hứa hẹn là: Thuyết phục bằng lời lẽ; thuyết phục bằng cách khơi gợi những cảm xúc từ phía quần chúng; thuyết phục bằng cách tự xác định vị trí của chính khách thuộc về nhân dân.

Diễn ngôn quyết định, diễn ngôn này thường gắn liền với các cảnh huống sau:

- Có sự bất bình, sự phản ứng về những chuẩn tắc xã hội bị xúc phạm, những xúc phạm này là không thể chấp nhận được và đặc biệt là vượt ra ngoài khuôn khổ pháp luật;

- Tình trạng tiêu cực buộc phải có những sự thay đổi dứt khoát;

- Nêu một cách cụ thể về những phương thức để cải thiện thực trạng ấy.

Diễn ngôn biện bạch, đây là diễn ngôn thường gắn liền với hành động bào chữa, thanh minh, có tính chất giải thích, thường gắn liền với một đường lối, chính sách, chủ trương mà bước đầu chưa được quần chúng thừa nhận. Ngoài ra, ở phương Tây, còn có một loại diễn ngôn thường được gọi là “diễn ngôn diễn kịch”. Nói rõ hơn, có những vấn đề tế nhị mà các chính khách buộc lòng phải bộc lộ chính kiến đầu

họ không muốn, trong trường hợp này, họ thường sử dụng các phát ngôn mập mờ, các phát ngôn dựa vào lẽ thường, dựa vào tập thể hoặc có khi là bộc lộ bằng thái độ bỏ lửng, thái độ im lặng, đôi khi bày tỏ cảm xúc bằng ngôn ngữ cơ thể. Riêng về thành tựu diễn ngôn chính trị trên ngữ liệu tiếng Anh có thể kể đến những phân tích mẫu mực của van Dijk T. A. (1983, 1985, 1988, 1991), Gamson W. A. (1992), Lau R, R. and Sears D. O. (eds) (1986)...

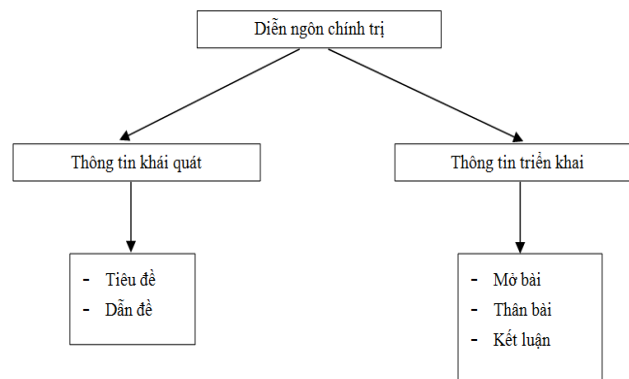
Hiển nhiên, các cách phân loại và nghiên cứu trên đây rõ ràng là phù hợp với văn hóa và nền chính trị phương Tây. Tuy nhiên, ở Việt Nam, các cách tiếp cận này, các thủ pháp này không phải là vô ích, nếu chúng ta biết chắt lọc, kế thừa những mặt mạnh của những trường phái vừa đề cập bên trên.

3. Về một số hướng nghiên cứu

Từ những cách hình dung và khái quát trên đây, có thể nêu ra một số hướng nghiên cứu chính:

3.1. Cấu trúc diễn ngôn chính trị

Như chúng ta đều biết, diễn ngôn là đơn vị giao tiếp lớn nhất, là một chỉnh thể phức hợp với những cấu trúc và chức năng khác nhau. Vì vậy, bố cục của các loại diễn ngôn là không như nhau. Chẳng hạn, đối với diễn ngôn viết, đề cập đến những vấn đề mang ý nghĩa xã hội rộng lớn, thường thì mô hình sau đây là rất thích hợp.



3.2 Lập luận trong diễn ngôn chính trị

Một trong những đặc điểm làm nên sự khác biệt trong tổ chức của diễn ngôn chính trị với diễn ngôn khác là tính chất lập luận. Tuy có thể cấu trúc của một lập luận chính nằm trong nội bộ phát ngôn nhưng có thể thấy các luận chứng, luận cứ có khi cả luận điểm có thể phải viện dẫn đến cách thức tổ chức diễn ngôn. Đặc biệt là viện dẫn đến những tri thức nền phù hợp. Hãy so sánh các lập luận sau đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

VD1: “*Bước tiến nhanh chóng của đất nước Xô Viết, bất cứ thành tựu nào của đất nước đó đều gây ra trong trái tim của những người cách mạng niềm vui và niềm hạnh phúc, đều làm cho chúng tôi đầy tự hào về sự nghiệp của cách mạng Tháng Mười vĩ đại*” (Hồ Chí Minh toàn tập, 2004, tập 8, tr.443-444).

VD2: “*Tất cả thanh niên Việt Nam là con cháu của tôi. Mất một thanh niên thì hình như tôi đứt một đoạn ruột*” (Hồ Chí Minh toàn tập, 2004, tập 5, tr.40).

VD3: “*Chú có cái nhược điểm là hay nói thẳng. Chú được cái là không để bụng, không trù dập ai. Nói thẳng là tốt, nhưng*

phải lựa lời mà nói, lựa lúc mà nói...” (Trần Đình Huỳnh, Ma Văn Kháng, 2012, Từ một lời căn dặn của Bác Hồ, Tạp chí *Lí luận Phê bình Văn học - Nghệ thuật*, số 3, tr.5).

Không phải ngẫu nhiên mà Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc thì dùng hình ảnh *trái tim* để biểu lộ tình cảm như cách biểu đạt của phương Tây, lúc lại diễn đạt *ruột, bụng* để biểu trưng tính tình như phương Đông.

3.3. Liên kết trong diễn ngôn chính trị

Một diễn ngôn được đánh giá là liên thông mạch lạc thường phải có các mối liên kết rõ ràng, logic. Điều này phản ánh một trong những đặc điểm quan yếu của diễn ngôn, là các phát ngôn không phải tồn tại một cách cô lập mà thường có mối quan hệ mật thiết với nhau. Các mối quan hệ đó có thể xảy ra giữa các phần, các đoạn, các chương mà người nghiên cứu có thể tiến hành mô hình hóa. Việc xác lập các mô hình diễn ngôn có thể giúp cho người phân tích đánh giá được mức tác động khác nhau của từng mô hình diễn ngôn. Chẳng hạn, một trong những biện pháp liên kết thường gặp có tính cách phổ quát là phương thức nói. Vậy có thể đặt ra giả thuyết là biện

pháp liên kết nối nào thường được sử dụng trong diễn ngôn chính trị tiếng Việt, và phương thức nối này trong hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh có gì tương đồng, có gì khác biệt, hay việc dùng các phương thức hồi chỉ và khứ chỉ sẽ có tác dụng như thế nào đối với những người trình bày diễn ngôn và đặc biệt hơn là tác động như thế nào đến người tiếp nhận diễn ngôn. Khảo sát ngữ đoạn sau:

VD4: *Ngược lên trên, tôi đã trình bày những nét khái quát nhất về một số ảnh hưởng tiêu cực đến nền văn hóa truyền thống của Việt Nam trong thời đại hội nhập. Phần kế tiếp sau đây, chúng tôi sẽ thử đề xuất một số biện pháp khắc phục và thật lòng rất muốn nghe sự đóng góp của quý vị.*

Dùng phát ngôn này, rõ ràng người diễn thuyết thấu tóm được cái nội dung đã được trình bày cũng như sẽ được trình bày. Còn về phía người nghe, cũng rất rõ ràng là với biện pháp hồi chỉ và khứ chỉ, họ đã nhớ lại những gì mà người diễn thuyết đã trình bày và trong tâm lí sẵn sàng lắng nghe.

3.4. Triển khai ý niệm trong diễn ngôn chính trị

Ngôn ngữ học tri nhận đã mở ra một hướng nghiên cứu rất mới. Ấn dụ không phải là dựa vào sự tương đồng, lại càng không phải là đặc trưng của ngôn ngữ văn chương, mà là cách thức của tư duy. Nói rộng ra, ấn dụ là ánh xạ, chúng ta hiểu miền ý niệm này thông qua một miền ý niệm khác. Với cách hình dung đó, ấn dụ ý niệm có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong diễn ngôn chính trị. Một mặt, nó

trình bày những vấn đề trừu tượng của chính trị thông qua những miền nguồn cụ thể, mặt khác nó làm gia tăng độ tác động đến người nghe, rất dễ làm nên những ấn tượng khó phai trong tâm trí người nghe, người đọc. Khảo sát các diễn ngôn chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cho thấy điều này. Có thể đúc kết một số ấn dụ ý niệm phổ biến của Chủ tịch Hồ Chí Minh như sau: *Lí luận là hai con mắt, lí luận là tòa nhà, lí luận là kim chỉ nam, lí luận là người dẫn đường*; Hay: *Lí luận cũng như cái tên (hoặc viên đạn), Thực hành cũng như cái đích để bắn* (Hồ Chí Minh toàn tập, 2004, tập 5, tr.233-235), *Khuyết điểm là một căn bệnh* (Hồ Chí Minh toàn tập, 2004, tập 5, tr.236-239), *Cách mạng cũng là một nghề* (Hồ Chí Minh toàn tập, 2004, tập 12, tr.224).

Bao quát lên tất cả nằm trong trường tác động của diễn ngôn chính trị là cùng một sự kiện có thể xuất phát từ những quan điểm chính trị khác nhau có những cách ý niệm hóa khác nhau và dẫn đến những hệ quả khác nhau.

Do phân tích diễn ngôn nói chung, phân tích diễn ngôn chính trị nói riêng là những nền tảng học thuật ra đời rất sớm ở phương Tây nên thành quả của chúng là rất lớn và các thành quả này được vận dụng hết sức hiệu quả trong từng diễn ngôn cụ thể. Hãy quan sát diễn ngôn sau đây trong bài diễn văn nhậm chức của Tổng thống Obama.

“My fellow citizens: I stand here today humbled by the task before us, grateful for the trust you have bestowed,

mindful of the sacrifices borne by our ancestors.” (Barack Obama, 2009).

Thoạt nhìn, lời mở đầu này không có gì đặc biệt, nhưng nếu suy ngẫm kĩ, đặc biệt là so sánh với các diễn ngôn cùng chức năng của Tổng thống Bush, ta thấy ở đây có một sự khác biệt lớn và chính sự khác biệt này đã mang lại những hiệu quả tích cực làm nên một Obama với phong cách riêng, không chỉ trong ngôn từ mà còn là hành động. Obama dùng “*My fellow citizens*” trong khi Bush dùng “*My fellow Americans*”. Điều này cho thấy rằng, đối tượng mà Obama nhắm đến rất rộng, bao gồm tất cả công dân Mỹ, không kể nguồn gốc, quốc tịch, màu da, trong khi đó Bush chỉ hướng đến loại công dân điển hình của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Không cần phân tích về phạm vi định danh, chỉ với một ngữ đoạn khác biệt, rõ ràng giá trị tác động của cách định danh này rất lớn.

Thật ra, cũng giống như diễn ngôn chính trị tiếng Việt, việc định danh khác

n nhau thì mức độ đánh giá rất khác nhau.

VD: *Police killed demonstrators* (*Cảnh sát giết chết người biểu tình*) đối lập với *Demonstrators killed by Police* (*Người biểu tình bị giết bởi cảnh sát*) đối lập với *Demonstrators killed* (*Người biểu tình bị giết*).

4. Kết luận

Đi tìm đặc điểm ngôn ngữ của diễn ngôn chính trị về mặt nguyên tắc có thể khảo sát ở mọi cấp độ, từ giọng nói, trọng âm, ngữ điệu đến sử dụng từ ngữ, cấu trúc và chức năng của từng loại phát ngôn và tất nhiên là cả cấu trúc và chức năng của diễn ngôn. Đó là chưa kể đến những phương tiện có tính chất phụ trợ như ngôn ngữ cơ thể. Nói chung, cách tiếp cận này mở ra một triển vọng đầy hứa hẹn không chỉ bó hẹp trong ngôn ngữ mà cả trong văn hóa, không chỉ bó hẹp trong một ngôn ngữ cụ thể gắn với sự tương tác của một nền văn hóa cụ thể mà có thể tiến hành so sánh đối chiếu để tìm ra sự tương đồng và khác biệt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Trần Đình Huỳnh, Ma Văn Kháng. (2012). Từ một lời căn dặn của Bác Hồ, Tạp chí *Lí luận Phê bình Văn học – Nghệ thuật*.
- Hồ Chí Minh toàn tập. (2004). *tập 5, tập 8, tập 12*, Nxb Chính trị Quốc gia.
- Trịnh Sâm. (2013). “Phong cách ngôn ngữ của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhìn từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận”, Tạp chí *Ngôn ngữ và Đời sống*, số 1+2 (207+208).
- Trịnh Sâm. (2014). Lí thuyết ngữ vực và việc nhận diện các đặc điểm của diễn ngôn, Tạp chí *Khoa học*, Đại học Quốc gia Hà Nội. vol.30, số 1S.
- Barack Obama. (2009). Bài diễn văn nhậm chức Tổng thống đời thứ 44 của Mỹ vào ngày 20/01/2009.
http://www.chungta.com/nd/tu-lieu-tra-cuu/toan_van_bai_phat_bieu_nham_chuc_obama-f.html

- Gamson W. A. (1992). *Talking politics*, Cambridge University Press.
- Halliday M. A. K. (1978). *Language as a social semiotic: the social interpretation of language and meaning*, London: Edward Arnold.
- Lau R, R. and Sears D. O. (eds) (1986), *Political cognition*, Hillsdale NJ, Erlbaum.
- Martin J. R. (1992). *English text system and structure*, John Benjamin Publishing Company, Philadelphia/Amsterdam.
- van Dijk T. A. (1983). *Discourse analysis: its development and application to the structure of news*. In *Journal of communication* spring, volume 33:2, pp.20-43.
- van Dijk T. A. (ed) (1985). *Discourse and communication, New approaches to the analysis of mass media discourse and communication*, Berlin de Gruyter.
- van Dijk T. A. (ed) (1988). *News as discourse*. Lawrence Erlbaun Associate, Publishers.
- van Dijk T. A. (1997). What is political discourse analysis? in J. Blommaert and C. Bulcaen (eds), *Political linguistics*, Amsterdam, Benjamins PP 11-52.